

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/ DS-ST

Ngày: 20 - 9 - 2022

V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan
2. Ông Lê Thành Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Mỹ Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2022/QĐDS-ST, ngày 06/9/2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị N, sinh năm 1940;

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1990;

Địa chỉ: số 139, ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

4. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà N và ông T có mặt, anh Đô La và ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Đặng Thị N trình bày:

Vào ngày 17-18/10/2021(âm lịch) bà Đặng Thị N có bán cho anh Trần Văn Đ, 1.753 trái dừa khô, giá 92.000 đồng/chục, thành tiền là 13.430.000 đồng. Khi chở dừa thì

anh Đô La không trả tiền mặt mà hứa vài ngày sau sẽ trả tiền, đã nhiều lần anh Đô La hứa trả tiền cho bà N nhưng không thực hiện. Sau đó khoảng 03 tháng thì bà N có kêu con bà là ông Nguyễn Duy T đi tìm anh Đô La để đòi nợ cho bà, khi ông T gặp ông Đ thì có yêu cầu anh Đô La viết giấy hẹn nợ trả tiền cho bà N thì anh Đô La đã viết một tờ giấy viết tay đề ngày 13/01/2022 (âm lịch) tại nhà của ông Nguyễn Văn C, có sự chứng kiến của ông C, có thể hiện nội dung"...Đô La có mua dừa của bà Đặng Thị N ...còn thiếu tổng số tiền là 13.430.000 đồng, hàng tháng hứa trả 5.000.000 đồng, người mua Trần Văn Đ ký tên, người làm chứng Nguyễn Văn C ký tên, người bán Nguyễn Duy T ký tên". Lý do con bà N ký tên dưới mục người bán là gì tại thời điểm anh Đô La viết giấy hẹn nợ này không có mặt bà N tại đó nên ông T mới ghi như vậy, còn thực tế số dừa trên là do bà bán cho anh Đô La. Anh Đô La có hứa trả cho bà N mỗi tháng là 5.000.000 đồng nhưng vẫn không thực hiện. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu anh Trần Văn Đ trả cho bà số tiền mua trái dừa khô là 13.430.000 đồng vì bà N chỉ giao dịch mua bán với một mình ông Đ nên chỉ yêu cầu anh Đô La trả cho bà số tiền nợ là 13.430.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy T trình bày:

Ông T trình bày thống nhất với lời trình bày của bà N, do anh Đô La mua trái dừa khô của mẹ ông là bà N nhưng không trả tiền, nên bà N có kêu ông đi tìm anh Đô La để đòi nợ, khi gặp ông Đ thì ông có yêu cầu anh Đô La viết giấy hẹn trả tiền dừa cho bà N thì anh Đô La có viết một tờ giấy viết tay đề ngày 13/01/2022 (âm lịch) có thể hiện nội dung"...Đô La có mua dừa của bà Đặng Thị N ...còn thiếu tổng số tiền là 13.430.000 đồng, hàng tháng hứa trả 5.000.000 đồng, người mua Trần Văn Đ ký tên, người làm chứng Nguyễn Văn C ký tên, người bán Nguyễn Duy T ký tên". Lý do ông T ký tên dưới mục người bán là gì tại thời điểm anh Đô La viết giấy hẹn nợ này thì không có mặt bà N tại đó nên ông T mới ghi như vậy, thực tế ông Đ nợ tiền trái dừa khô 13.430.000 đồng là tiền của bà N. Ông T có yêu cầu anh Đô La trả cho bà N số tiền nêu trên.

Trong quá trình giải quyết người làm chứng là ông Nguyễn Văn C trình bày như sau:

Giữa ông C với nguyên đơn và bị đơn chỉ là mối quan hệ người địa phương. Ngày 13/01/2022 (âm lịch) ông Nguyễn Duy T có gặp anh Trần Văn Đ, sau khi hai bên trao đổi về việc anh Đô La còn nợ tiền mua dừa trái khô của bà Đặng Thị N là mẹ của ông Nguyễn Duy T, thì ông T có nhờ địa điểm nhà ông C để cho anh Đô La viết một tờ giấy viết tay đề ngày 13/01/2022 (âm lịch), có thể hiện nội dung"...Đô La có mua dừa của bà của bà Đặng Thị N ...còn thiếu tổng số tiền là 13.430.000 đồng, hàng tháng hứa trả 5.000.000 đồng, người mua Trần Văn Đ ký tên, người làm chứng Nguyễn Văn C ký tên, người bán Nguyễn Duy T ký tên". Ông C xác định giấy viết tay đề ngày 13/01/2022 (âm lịch) là do chính anh Trần Văn Đ viết và ký tên, có thể hiện người làm chứng Nguyễn Văn C là do ông C ký tên, còn người bán là Nguyễn Duy T là do ông T ký tên. Ông C cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời trình bày của mình.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Đặng Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Duy T thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn C có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn là anh Trần Văn Đ mặc dù Tòa án đã thông báo họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời mở phiên tòa xét xử nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn bà Đặng Thị N đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Bị đơn anh Trần Văn Đ không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng không tham gia phiên tòa. Như vậy, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy T đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ Luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ các điều 430, 440 Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N.

Buộc anh Trần Văn Đ trả cho bà Đặng Thị N số tiền mua dừa là 13.430.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ trong hợp đồng mua bán. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của bà N xác định vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” quy định tại Điều 430 của Bộ Luật Dân sự. Quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Văn Đ là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Tân Lợi, xã Tân Lợi Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn là anh Trần Văn Đ mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Đặng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn Đô La có trách nhiệm trả cho bà N số tiền nợ trong hợp đồng mua bán là 13.430.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[2.2] Đối với bị đơn đã được Tòa án thông báo hợp lệ về các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai, chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Căn cứ bà Đặng Thị Nga khởi kiện anh Trần Văn Đ là một tờ giấy viết tay đề ngày 13/01/2022 (âm lịch) có thể hiện nội dung " ..Đô La có mua dừa của bà Đặng Thị N ...còn thiếu tổng số tiền là 13.430.000 đồng, hàng tháng hứa trả 5.000.000 đồng, người mua Trần Văn Đ ký tên, người làm chứng Nguyễn Văn C ký tên, người bán Nguyễn Duy T ký tên". Trong quá trình giải quyết vụ án bà N và ông T trình bày thống nhất nhau về việc anh Đô La mua trái dừa khô nhưng còn nợ bà N số tiền 13.430.000 đồng, nên khi ông T con bà N gặp anh Đô La để yêu cầu anh Đô La trả tiền dừa trái cho bà N, thì anh Đô La có hứa và viết một tờ giấy viết tay nội dung xác nhận còn nợ bà N số tiền mua dừa trái là 13.430.000 đồng vào ngày 13/01/2022 (âm lịch), đồng thời giấy viết tay của anh Đô La có người làm chứng là ông Trần Văn Chụp. Ông C xác định anh Trần Văn Đ chính là người viết tờ giấy viết tay đề ngày 13/01/2022 (âm lịch) và ký tên với nội dung như đã nêu trên. Từ đó, có cơ sở xác định anh Trần Văn Đ còn nợ bà N số tiền mua trái dừa khô là 13.430.000 đồng.

Do bên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, nên buộc anh Trần Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị N số tiền nợ trong hợp đồng mua bán là 13.430.000 đồng.

[2.4] Về tiền lãi: Do bà N chỉ yêu cầu anh Trần Văn Đ trả số tiền 13.430.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên anh Đô La phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền tiền 13.430.000 đồng x 5% = 671.500 đồng.

Bà N là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng phí dân sự sơ thẩm theo quy định quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nên không phải hoàn trả cho bà N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 các Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị N.

Buộc anh Trần Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị N số tiền nợ trong hợp đồng mua bán là 13.430.000 (mười ba triệu, bốn trăm ba mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 671.500 (sáu trăm bảy mươi một nghìn năm trăm) đồng và còn phải nộp số tiền này.

Bà Đặng Thị N là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng phí dân sự sơ thẩm, nên không phải hoàn trả cho bà N.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ